

Số: 675/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 15 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Đề án kiện toàn các tổ chức hành chính
cấp tỉnh, cấp huyện thuộc tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm
2014 của Chính phủ quy định tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05
tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn
thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố;*

*Thực hiện kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được Ban Tổ chức Tỉnh ủy
thông báo tại Công văn số 237-CV/BTCTU, Công văn số 238-CV/BTCTU ngày
31 tháng 12 năm 2020 về công tác tổ chức, bộ máy;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 447/TTr-SNV ngày
05 tháng 3 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án kiện toàn các tổ chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thuộc tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Kiến toàn các tổ chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thuộc tỉnh Quảng Nam

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Phần I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “*tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*”, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương VI khóa XII “*một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”, Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo việc sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí số lượng cấp phó các tổ chức hành chính cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan, đơn vị đã tập trung rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong theo hướng tinh gọn đầu mối, tinh giản biên chế, gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức; qua đó không ngừng nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của các cơ quan, tổ chức tổ chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác sắp xếp tổ chức hành chính, quản lý, sử dụng biên chế công chức tại các đơn vị, địa phương vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Bộ máy hành chính vẫn còn nhiều tầng nấc trung gian (*như trong Sở có Phòng chuyên môn, Chi cục; trong Chi cục có phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp,...*); một số tổ chức hành chính có quy mô quá nhỏ, chưa tổ chức theo hướng đa nhiệm vụ, đa lĩnh vực hoặc mất cân đối giữa số lượng công chức lãnh đạo và công chức thực hiện chuyên môn nghiệp vụ; một số tổ chức tương đồng hoặc chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Quy định của Trung ương về số lượng tổ chức bộ máy vẫn còn có tính “mở”, chưa thống nhất theo từng địa phương, lĩnh vực, do vậy tính ràng buộc trong việc quy định xây dựng cơ cấu tổ chức của đơn vị, địa phương chưa cao.

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP (*sau đây gọi tắt là Nghị định 107/2020/NĐ-CP*), trong đó quy định cụ thể tiêu chí, khung định mức để thành lập các tổ chức hành chính thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung

một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Nghị định 108/2020/NĐ-CP).

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí số lượng cấp phó các tổ chức hành chính, đẩy mạnh việc tinh giản, cơ cấu lại đội ngũ công chức, triển khai quy định Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ và nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh; việc xây dựng, ban hành Đề án kiện toàn các tổ chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thuộc tỉnh là yêu cầu cần thiết hiện nay.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.

2. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

3. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

4. Kết luận số 34-KL/TW ngày 07/8/2018 của Bộ Chính trị về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Kết luận số 74-KL/TW ngày 22/5/2020 của Bộ Chính trị về kết quả 02 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và 04 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.

5. Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Ban Chấp hành Trung ương thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

6. Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

7. Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố.

8. Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính.

9. Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2020 của Chính phủ

quy định tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

10. Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố.

11. Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương.

12. Kế hoạch số 139-KH/TU ngày 28/02/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

13. Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được Ban Tổ chức Tỉnh ủy thông báo tại các Công văn số 116-CV/BTCTU ngày 30/11/2020; số 237-CV/BTCTU; số 238-CV/BTCTU ngày 31/12/2020.

14. Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Nam năm 2021.

Phần II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN

I. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CÁC TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN

1. Các tổ chức hành chính (cơ quan chuyên môn) cấp tỉnh

1.1. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh

Thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, tỉnh Quảng Nam có 19 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, gồm: (1) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (2) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; (3) Sở Kế hoạch và Đầu tư; (4) Sở Tài chính; (5) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; (6) Sở Xây dựng; (7) Sở Tài nguyên và Môi trường; (8) Thanh tra tỉnh; (9) Sở Nội vụ; (10) Sở Y tế; (11) Sở Giáo dục và Đào tạo; (12) Sở Giao thông vận tải; (13) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (14) Ban Dân tộc; (15) Sở Tư pháp; (16) Sở Thông tin và Truyền thông; (17) Sở Khoa học và Công nghệ; (18) Sở Công Thương; (19) Sở Ngoại vụ (*sau đây gọi chung là Sở, ngành*).

1.2. Về số lượng tổ chức bộ máy bên trong thuộc Sở, ngành

Tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn theo Nghị định số 24/2014/NĐ-CP hiện nay gồm: Văn phòng, Thanh tra, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, Chi cục và tương đương (đối với các Sở có tổ chức chi cục, ban), cụ thể:

a) Chi cục và tương đương thuộc Sở, ngành

Hiện nay có 18 Chi cục và tương đương; trong đó theo quy định Nghị định 107/2020/NĐ-CP (*Chi cục phải bố trí tối thiểu 12 biên chế công chức*) thì có 07 tổ chức¹ không đủ điều kiện hình thành, cần kiện toàn.

b) Văn phòng, Thanh tra, phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở, ngành

Hiện nay, có 110 Phòng chuyên môn nghiệp vụ, Văn phòng, Thanh tra thuộc Sở, ngành; trong đó, theo quy định Nghị định 107/2020/NĐ-CP (*Phòng chuyên môn, nghiệp vụ và Văn phòng Sở phải bố trí tối thiểu 06 biên chế công chức*) thì có 27 Phòng chuyên môn nghiệp vụ, Văn phòng không đủ điều kiện hình thành, cần kiện toàn. *Riêng Thanh tra không áp dụng tiêu chí phải bố trí tối thiểu 06 biên chế công chức.*

Trong 19 Sở, ngành thuộc tỉnh, không còn Sở, ngành tổ chức riêng bộ phận tổ chức với công tác văn phòng và có 01/19 Sở, ngành tổ chức riêng bộ phận tài chính với công tác văn phòng².

c) Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục và tương đương

Hiện nay, có 61 Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục; trong đó, theo quy định Nghị định 107/2020/NĐ-CP (*Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục phải bố trí tối thiểu 05 biên chế công chức*) thì có 29 Phòng không đủ điều kiện hình thành, cần kiện toàn.

1.3. Về chức năng, nhiệm vụ

Về chức năng quản lý nhà nước, Sở, ngành thực hiện theo quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, các Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành, Quyết định của UBND tỉnh quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Sở, ngành; đối chiếu với Nghị định 107/2020/NĐ-CP thì cần bổ sung chức năng, nhiệm vụ một số Sở, ngành, cụ thể:

- Sở Nội vụ: bổ sung chức năng quản lý nhà nước về tín ngưỡng.
- Sở Tài nguyên và Môi trường: bổ sung chức năng quản lý nhà nước về chất thải rắn.
- Sở Lao động -Thương binh và Xã hội: bổ sung chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp (trừ các trường sư phạm).
- Thanh tra tỉnh: bổ sung chức năng quản lý nhà nước về tiếp công dân, nhiệm vụ kiểm soát kê khai tài sản thu nhập.

¹ Chi cục Văn thư lưu trữ, Ban Tôn giáo, Ban Thi đua khen thưởng (thuộc Sở Nội vụ), Chi cục Biển và Hải đảo (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường), Chi cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng (thuộc Sở Khoa học và Công nghệ), Ban Tiếp công dân (thuộc Văn phòng UBND tỉnh), Văn phòng Điều phối chương trình MTQGXD Nông thôn mới (*thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý*).

² Sở Y tế.

- Văn phòng UBND tỉnh: bổ sung chức năng “Tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của địa phương”.

1.4. Tình hình giao, sử dụng biên chế công chức và bố trí số lượng cấp phó trong các tổ chức hành chính thuộc tỉnh

a) Biên chế giao

Năm 2020, tỉnh Quảng Nam được Bộ Nội vụ giao 3.195 biên chế công chức; theo đó, UBND tỉnh giao cho 19 Sở, ngành là 1.316 biên chế công chức (*không tính Thường trực HĐND và UBND tỉnh, Văn phòng HĐND tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai*).

Trong khi số lượng biên chế tỉnh giảm theo tỷ lệ bình quân 2%/năm từ năm 2015 đến nay nhưng số lượng phòng chuyên môn vẫn đang áp dụng theo “khung” số lượng cứng do bộ, ngành Trung ương ban hành. Sau khi bố trí đối với các vị trí lãnh đạo, trung bình mỗi phòng chuyên môn khối Sở, ngành hiện có 6,6 biên chế công chức; tuy nhiên, trong đó một số Sở, ngành có số biên chế/phòng rất thấp như: Sở Thông tin và Truyền thông (4,2 biên chế/phòng), Sở Ngoại vụ (4,2 biên chế/phòng), Ban Dân tộc (4,5 biên chế/phòng), Sở Tư pháp (4,8 biên chế/phòng), Sở Giáo dục và Đào tạo (5,7 biên chế/phòng).

Việc phân bổ biên chế giữa các Sở, ngành cũng không có nhiều biến động trong 10 năm qua mặc dù yêu cầu quản lý trên các lĩnh vực tăng/giảm khác nhau theo quy mô phát triển của tỉnh. Từ năm 2010 đến năm 2020, biến động về nhân lực khối Sở, ngành chủ yếu là chuyển biên chế từ cơ quan này sang cơ quan khác do điều chỉnh lĩnh vực quản lý nhà nước giữa các Sở (giảm ở Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban Quản lý Phát triển đô thị mới Điện Nam – Điện Ngọc về Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư; giảm ở Sở Công Thương (do chuyển Chi cục Quản lý thị trường từ Sở Công Thương về Bộ Công Thương); chuyển nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính từ Sở Tư pháp sang Văn phòng UBND tỉnh,...).

Thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, biên chế công chức tỉnh Quảng Nam năm 2021 là 3.110, giảm 53 biên chế so với năm 2020, so với năm 2015 Bộ Nội vụ giao thì giảm 396 biên chế, tương đương 11,3%.

b) Số lượng cấp phó

UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành thực hiện nghiêm việc sắp xếp, bố trí khắc phục tình trạng số lượng cấp phó vượt quy định. Đến nay, hầu hết tất cả các Sở, ngành đảm bảo số lượng cấp phó sở đúng quy định; tuy nhiên, đối với cấp phó phòng, do tình trạng chia nhỏ phòng và với số biên chế thấp như đã phân tích ở trên thì vẫn còn nhiều phòng có 03 lãnh đạo/04 người/phòng hoặc 02 lãnh đạo/02 người/phòng...; cụ thể, số lượng cấp phó hiện có như sau:

- Phó Giám đốc Sở và tương đương tại 19 Sở, ngành là 46 người, bình quân 2,42 người/Sở.

- Phó Chi cục trưởng và tương đương hiện có là 21 người, bình quân 1,16 người/Chi cục.

- Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc Sở, ngành hiện có là 153 người, bình quân 1,39 người/Phòng.

- Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục và tương đương là 50 người, bình quân 0,81 người/Phòng.

2. Các tổ chức hành chính (cơ quan chuyên môn) thuộc UBND cấp huyện

Thực hiện Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ và các quy định hiện hành; tổ chức hành chính thuộc UBND cấp huyện hiện nay gồm 12 Phòng chuyên môn và tương đương; riêng UBND huyện miền núi (06 huyện: Nam Trà My, Bắc Trà My, Phước Sơn, Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang) có thêm Phòng Dân tộc; UBND các huyện Núi Thành, Hiệp Đức, Nông Sơn, Nam Giang đã tiến hành giải thể Phòng Y tế để tinh gọn bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Biên chế công chức của các địa phương được UBND tỉnh giao năm 2020 là 1.674 biên chế. Sau khi bố trí đối với các vị trí lãnh đạo (Thường trực HĐND, UBND), trung bình mỗi phòng chuyên môn khối huyện hiện có 7.5 công chức; tuy nhiên, trong đó một số phòng có số biên chế/phòng rất thấp như: Phòng Y tế, Phòng Tư pháp, Thanh tra...

Tổng số lượng Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện là 218 Phòng, tổng số Phó Trưởng phòng hiện có là 317 người, bình quân 1.44 người/ phòng.

3. Đánh giá chung về tổ chức bộ máy, biên chế trong các Sở, ngành, địa phương

a) Ưu điểm

Việc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính trước sức ép về tinh giản biên chế đã được các cơ quan, đơn vị quan tâm và chủ động đề xuất nhiều giải pháp về sắp xếp bộ máy bên trong (sáp nhập, hợp nhất Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Tài chính - Kế hoạch vào Văn phòng Sở, chuyển chức năng, nhiệm vụ về Văn phòng HĐND và UBND huyện và giải thể Phòng Y tế huyện Núi Thành, Hiệp Đức, Nông Sơn, Nam Giang; chuyển giao chức năng nhiệm vụ và giải thể phòng Thương mại du lịch thành phố Hội An...). Bên cạnh đó, quá trình rà soát số lượng lãnh đạo, quản lý, cấp phó trong thời gian qua cũng tạo điều kiện cho công tác sắp xếp tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý, gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu.

b) Tồn tại, hạn chế

Phần lớn các Thông tư thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP đều hướng dẫn chi tiết số lượng, tên gọi các phòng chuyên môn thuộc Sở, Ban, ngành. Tuy nhiên, việc hướng dẫn chỉ dựa trên chia nhỏ chức năng mà không gắn liền với

công tác phân bổ, quản lý, sử dụng nhân lực và xu hướng hình thành các phòng chuyên môn quản lý nhóm lĩnh vực, tăng cường bộ phận trực tiếp, giảm tối đa bộ phận hỗ trợ, gián tiếp. Mặc dù thực hiện Nghị quyết 39/NQ-TW của Bộ Chính trị với nội dung giữ ổn định tổ chức như hiện nay, không thành lập các tổ chức trung gian, chỉ thành lập tổ chức mới trong trường hợp cá biệt, thật sự cần thiết do yêu cầu thực tiễn; nhưng một số ngành lại quy định, hướng dẫn thành lập thêm chi cục, phòng thuộc sở như: Chi cục Biển và Hải đảo thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Đấu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng UBND tỉnh...

Các quy định trên dẫn đến công tác tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn từ giai đoạn 2010 đến nay chưa thực sự có những bức phá mới, phần lớn đều thực hiện theo “khuôn khổ” do Trung ương quy định. Căn cứ điều kiện kinh tế, xã hội và quy mô quản lý, đối với một số nội dung quản lý tại tỉnh thấy chưa cần thiết thành lập riêng bộ máy (phòng, chi cục) để thực hiện nhiệm vụ nhưng trong một thời gian nhất định (trước khi có những quy định mở theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW) thì vẫn thực hiện theo quy định của Thông tư.

Từ năm 2017 trở về trước, ngoài số biên chế công chức được giao, do đặc thù phát triển đô thị và các điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, trong khi chờ cấp có thẩm quyền xem xét, giao bổ sung biên chế, một số Sở ngành, địa phương sử dụng thêm hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ (tập trung ở các cơ quan, địa phương có tính chất quản lý đô thị, đầu tư). Năm 2018, thực hiện Kết luận 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị, bắt buộc các đơn vị phải xây dựng, triển khai giải pháp điều chuyển, bố trí số hợp đồng trên về công tác tại đơn vị sự nghiệp có nhu cầu, có vị trí việc làm phù hợp hoặc chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước tại Sở, ngành, địa phương vẫn phải đảm bảo nên thực tế hiện nay, một số Sở, ngành, địa phương vẫn đang sử dụng viên chức biệt phái tại các đơn vị sự nghiệp. Thực trạng trên khiến cho việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo tiêu chí “cứng” về biên chế tối thiểu như theo quy định tại Nghị định 107/2020/NĐ-CP tại một số Sở, ngành rất khó khăn.

Phần III

KIỆN TOÀN, SẮP XẾP CÁC TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Quan điểm

- Sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong các Sở, ngành và UBND cấp huyện phải đảm bảo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

- Bảo đảm hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành, các tổ chức, đơn vị không bị gián đoạn, xáo trộn; sau sắp xếp, kiện toàn hoạt động tốt hơn, hiệu quả cao hơn; tập trung huy động, phát huy tiềm năng đội ngũ và cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có.

2. Mục tiêu

a) 100% các Sở, ngành và UBND cấp huyện xây dựng lộ trình thực hiện cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức bộ máy bên trong đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP trước 31/3/2021 theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian.

b) Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo hướng dẫn của bộ, ngành, khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý giữa các Sở, ngành và giữa các phòng chuyên môn.

c) Thực hiện mô hình tổ chức một số chi cục thành phòng chuyên môn và không tổ chức cấp phòng bên trong một số chi cục, nhằm tinh gọn đầu mối, giảm bộ máy trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động và tách biệt nhiệm vụ quản lý nhà nước với dịch vụ công ích, hỗ trợ, phục vụ cho nhiệm vụ quản lý nhà nước; việc sắp xếp phải đảm bảo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

d) 100% các Sở, ngành thuộc tỉnh tiến hành cơ cấu lại tổ chức bộ máy và nhân sự; không để mất cân đối giữa các nhóm vị trí việc làm theo quy định (nhóm chuyên môn nghiệp vụ và nhóm chuyên môn dùng chung).

II. NGUYÊN TẮC

1. Việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các Sở, ngành và UBND cấp huyện được tiến hành đồng bộ, toàn diện từ việc rà soát chức năng, nhiệm vụ của đơn vị gắn với tình hình thực tiễn của địa phương đến việc sắp xếp, kiện toàn các phòng, ban, chi cục gắn với việc sắp xếp, bố trí công chức phù hợp và đảm bảo chất lượng, số lượng để nâng cao hiệu quả, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Sắp xếp, kiện toàn phải đảm bảo nguyên tắc cùng nhóm chức năng, nhiệm vụ chỉ giao một tổ chức, đơn vị thực hiện; đồng thời, phù hợp với các điều kiện về kinh tế của địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tránh phân tán, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, khó khăn trong phối hợp quản lý (trừ một số cơ quan có tính chất đặc thù).

3. Việc giải quyết chế độ cho cán bộ, công chức phải đảm bảo đúng quy định và đảm bảo lợi ích hợp pháp cho người lao động; gắn việc sắp xếp tổ chức, bộ máy với việc tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ.

4. Đối với một số chi cục đặc thù, cần tổ chức độc lập và có quy trình chuyên môn, nghiệp vụ theo hướng dẫn riêng của bộ, ngành trung ương, có yêu

cầu vai trò của người đứng đầu chi cục trong quá trình thực hiện nghiệp vụ thì trình UBND tỉnh xem xét việc điều chuyển nhiệm vụ, biên chế giữa cơ quan Sở và Chi cục để đảm bảo tỷ lệ biên chế/chi cục theo quy định.

5. Đối với những cơ quan chuyên môn có biên chế ít, khối lượng công việc tăng và bình quân công việc/biên chế cao thì trình UBND tỉnh xem xét số lượng phòng tổ chức tối đa trong thời gian chờ cân đối, bổ sung biên chế sau lộ trình tinh giản; đảm bảo khoa học, hợp lý, không để mất cân đối giữa biên chế và cấu trúc tổ chức, chức năng, nhiệm vụ.

6. Các Sở, ngành, địa phương tùy tình hình thực tế nhiệm vụ đơn vị, địa phương căn cứ số lượng cấp Phó tối đa để thực hiện sắp xếp, bố trí phù hợp (*có thể bố trí ít hơn nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả công việc*).

Trong trường hợp đơn vị tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất số lượng cấp phó phòng chuyên môn, phó chi cục (tương đương), phó phòng thuộc chi cục ... có thể cao hơn quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP và quy định tại Mục V Phần III Đề án này, nhưng khi có cấp phó nghỉ hưu hoặc điều chuyển công tác thì không được bổ sung và phải có giải pháp điều chỉnh, sắp xếp lại số cấp phó vượt quy định trong thời hạn 03 năm kể từ ngày thực hiện việc tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất tổ chức.

III. TIÊU CHÍ TỔ CHỨC BỘ MÁY BÊN TRONG SỞ, NGÀNH VÀ UBND CẤP HUYỆN

1. Tiêu chí tổ chức bộ máy bên trong các Sở, ngành

1.1. Phòng chuyên môn thuộc Sở, ngành

a) Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (sau đây viết tắt là Sở) được thành lập theo các tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 107/2020/NĐ-CP, gồm:

- Có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở;
- Khối lượng công việc yêu cầu bố trí tối thiểu 06 biên chế;
- Thành lập phòng quản lý theo nhóm chức năng; vừa đảm bảo chuyên môn sâu vừa bao quát, thống nhất lĩnh vực quản lý.

b) Riêng việc thành lập Văn phòng thuộc Sở thì phải đảm bảo tiêu chí về biên chế tối thiểu như quy định đối với phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở. Trường hợp không thành lập Văn phòng thuộc Sở thì giao một phòng chuyên môn thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng.

c) Việc bố trí biên chế tại Thanh tra Sở do Giám đốc các sở quyết định trên cơ sở tổng biên chế được giao nhưng không thấp hơn **03** biên chế. Tùy điều kiện cụ thể, thủ trưởng các Sở, ngành xem xét, giao thêm nhiệm vụ phù hợp cho Thanh tra Sở để sử dụng hợp lý, hiệu quả biên chế được giao. Trường hợp không thành lập Thanh tra Sở thì giao một phòng chuyên môn hoặc Văn phòng Sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra.

d) Tùy theo nhu cầu khối lượng công việc tại từng thời điểm, Giám đốc các Sở quyết định, bố trí biên chế, nhân lực, nhiệm vụ cho từng Phòng chuyên môn nhưng phải đảm bảo số lượng tối đa tổ chức các phòng chuyên môn và văn phòng theo nguyên tắc:

Biên chế giao năm 2021 của Sở trừ đi số lượng biên chế của Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và Chi cục (nếu có); biên chế còn lại chia 6 (biên chế), làm tròn cận dưới.

Tên gọi, chức năng cụ thể của từng Phòng chuyên môn, nghiệp vụ do Giám đốc Sở quyết định để đảm bảo bao quát, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Sở.

(Ví dụ: Biên chế dự kiến giao năm 2021 cho Sở A là 40 biên chế; Sở A gồm 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và Chi cục thuộc Sở A có 12 biên chế. Như vậy số lượng Phòng tối đa của Sở A là: $(40 - (1+2+12)) / 6 = 4$ tổ chức).

Các Sở, ngành căn cứ số lượng Phòng tối đa được UBND tỉnh quyết định, tùy theo chức năng, nhiệm vụ để sắp xếp, kiện toàn, thành lập số lượng Phòng và tương đương (bao gồm Văn phòng, thanh tra và các phòng chuyên môn gọi tắt là Phòng) phù hợp, bố trí biên chế công chức mỗi phòng đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định (*không tái lập Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Tài chính kế hoạch*).

1.2. Chi cục và tương đương thuộc Sở

Tiêu chí thành lập Chi cục và tương đương

- Có đối tượng quản lý về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở theo quy định của pháp luật chuyên ngành;
- Được phân cấp, ủy quyền để quyết định trực tiếp các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực;
- Quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực lớn, khối lượng công việc nhiều cần củng cố, thành lập tổ chức riêng, đủ mạnh để tập trung tham mưu quản lý;
- Không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ với phòng chuyên môn thuộc sở; quy trình xử lý công việc, tham mưu độc lập tương đối so với các phòng chuyên môn khác;
- Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí tối thiểu **12** biên chế công chức.

1.3. Phòng chuyên môn thuộc Chi cục và tương đương

Theo quy định Nghị định 107/2020/NĐ-CP thì Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục phải bố trí tối thiểu **05** biên chế công chức.

Chi cục thuộc Sở có thể không tổ chức cơ cấu cấp phòng hoặc tổ chức thành phòng chuyên môn nếu đảm bảo tiêu chí bố trí tối thiểu **05** biên chế công chức/phòng.

Trường hợp có thành lập Phòng thuộc Chi cục, phương án bố trí số lượng Phòng tối đa xác định như sau: Biên chế dự kiến giao năm 2021 của Chi cục trừ

đi số lượng biên chế của Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng; biên chế còn lại chia 5 (biên chế), làm tròn cận dưới.

Tên gọi, chức năng cụ thể của từng Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục do Giám đốc Sở quyết định để đảm bảo bao quát, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chi cục.

(Ví dụ: Biên chế dự kiến giao năm 2021 cho Chi cục B là 20 biên chế; Chi cục B gồm 01 Chi cục trưởng, 01 Phó Chi cục trưởng. Như vậy số lượng Phòng tối đa của Chi cục B là: $(20 - (1+1)) / 5 = 3$ tổ chức).

2. Các tổ chức hành chính (cơ quan chuyên môn) thuộc UBND cấp huyện

Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định UBND cấp huyện có nhiệm vụ, quyền hạn xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định: Căn cứ quy định tại Nghị định này, UBND cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc thành lập hoặc không thành lập và kiện toàn tổ chức các phòng cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, bảo đảm không tăng số lượng phòng khi thực hiện Nghị định này.

UBND cấp huyện căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ để xây dựng Đề án giải thể, sáp nhập, kiện toàn phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, xin ý kiến của Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Khi Hội đồng nhân dân cấp huyện thông qua Nghị quyết, UBND cấp huyện thực hiện quyết định giải thể, sáp nhập, kiện toàn phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo quy định.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

Trên cơ sở tổ chức thực hiện quy định của Trung ương về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, hoạt động hiệu quả và xuất phát từ tình hình thực tế trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn; UBND tỉnh xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các Sở, ngành và UBND cấp huyện như sau:

1. Đối với Sở, ngành

Phòng thuộc Sở, ngành (được nêu dưới đây) gồm: Văn phòng, Thanh tra (nếu có), phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

1.1. Sở Ngoại vụ

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác ngoại vụ và công tác biên giới lãnh thổ quốc gia (đối với những tỉnh có đường biên giới).

b) Cơ cấu tổ chức: Sắp xếp từ 05 phòng còn tối đa 03 phòng.

1.2. Sở Nội vụ

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách hành chính, cải cách chế độ công chức, công vụ; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã; tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; **tín ngưỡng**, tôn giáo; công tác thanh niên; thi đua, khen thưởng.

b) Cơ cấu tổ chức:

Sắp xếp từ 06 phòng và 03 chi cục, ban thành tối đa 08 phòng và 01 ban (*Ban Tôn giáo*), trong đó:

- Tổ chức lại Chi cục Văn thư - Lưu trữ thành Phòng Quản lý Văn thư - Lưu trữ; chuyển Trung tâm Lưu trữ lịch sử là đơn vị sự nghiệp thuộc Chi cục thành đơn vị sự nghiệp thuộc Sở.

- Tổ chức lại Ban Thi đua - Khen thưởng thành Phòng Thi đua - Khen thưởng.

1.3. Sở Xây dựng

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng và kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: Cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; chiếu sáng đô thị; công viên, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sỹ; kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, không bao gồm việc quản lý khai thác, sử dụng, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng.

b) Cơ cấu tổ chức: Tối đa 05 phòng.

1.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi và phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức:

- Sắp xếp còn tối đa 05 phòng (*không tái lập Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Tài chính kế hoạch; Chuyển giao một số chức năng và tổ chức lại Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thành Phòng chuyên môn thuộc Sở*), 07 chi cục và tương đương (gồm: (1) Chi cục Phát triển nông thôn, (2) Chi cục Thủy lợi, (3) Chi cục Thủy sản, (4) Chi cục Chăn nuôi và Thú y, (5) Chi cục Kiểm lâm, (6) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, (7) Văn phòng Điều phối chương trình MTQG về nông thôn mới).

- Sắp xếp các phòng chuyên môn thuộc các Chi cục, trong đó:

+ Chi cục Phát triển nông thôn: Sắp xếp từ 03 phòng còn 02 phòng (giảm 01 phòng).

+ Chi cục Thủy sản: Sắp xếp từ 05 phòng còn 03 phòng (giảm 02 phòng)

+ Chi cục Thủy lợi: Sắp xếp từ 04 phòng còn 02 phòng (giảm 02 phòng).

+ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: Sắp xếp từ 04 phòng còn 02 phòng (giảm 02 phòng); trong đó: Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa thuộc Chi cục do số lượng biên chế công chức có mặt tại Trạm này quá ít (01 người), nên nhiệm vụ kiểm dịch thực vật nội địa giao cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế hoặc Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp cấp huyện (không tồn tại Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa thuộc Chi cục).

+ Chi cục Chăn nuôi và Thú y: Sắp xếp còn 03 phòng; trong đó: Trạm Kiểm dịch động vật thuộc Chi cục do số lượng biên chế công chức có mặt tại Trạm này quá ít (04 người), đồng thời mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh rộng (không thể bao quát hết địa bàn) nên nhiệm vụ kiểm dịch động vật giao cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế hoặc Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp cấp huyện (không tồn tại Trạm Kiểm dịch động vật thuộc Chi cục).

+ Văn phòng Điều phối chương trình MTQG về nông thôn mới (do Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý): Triển khai kiện toàn theo “Đề án kiện toàn hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp, giai đoạn 2021 - 2025” (sau khi Chính phủ quyết định ban hành Đề án) hoặc giao nhiệm vụ Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG về nông thôn mới cho Chi cục Phát triển nông thôn đảm nhận.

1.5. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; **chất thải rắn**; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo (đối với các tỉnh có biển, đảo).

b) Cơ cấu tổ chức:

Sắp xếp từ 04 phòng và 03 chi cục còn tối đa 04 phòng và 02 chi cục (gồm: (1) Chi cục Bảo vệ môi trường, (2) Chi cục Quản lý đất đai); trong đó: Chuyển chức năng, nhiệm vụ Chi cục Biển và Hải đảo về Phòng Nước - Khí tượng thủy văn và thực hiện giải thể Chi cục Biển và Hải đảo theo quy định.

1.6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Hoạt động khoa học và công nghệ; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân.

b) Cơ cấu tổ chức:

Sắp xếp từ 04 phòng và 01 chi cục thành tối đa 05 phòng, trong đó: Tổ chức lại Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng thành Phòng chuyên môn thuộc Sở.

1.7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Lao động, tiền lương và việc làm trong khu vực doanh nghiệp; **giáo dục nghề nghiệp** (trừ các trường sư phạm); bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bảo trợ xã hội; trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội

b) Cơ cấu tổ chức: Tối đa 08 phòng.

1.8. Sở Công Thương

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; dầu khí (nếu có); hoá chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ vật liệu xây dựng); công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp chế biến khác; tiểu thủ công nghiệp; khuyến công; lưu thông hàng hoá trên địa bàn; xuất khẩu, nhập khẩu; xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hội nhập kinh tế quốc tế; quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn.

b) Cơ cấu tổ chức: Sắp xếp từ 07 phòng còn tối đa 05 phòng.

1.9. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Báo chí; xuất bản; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin; điện tử; phát thanh và truyền hình; thông tin đối ngoại; bản tin thông tấn; thông tin cơ sở; hạ tầng thông tin truyền thông; quảng cáo trên báo chí, trên

môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.

b) Cơ cấu tổ chức: Sắp xếp từ 05 phòng còn tối đa 04 phòng (có Thanh tra Sở).

1.10. Sở Y tế

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số - kế hoạch hóa gia đình.

b) Cơ cấu tổ chức:

Sắp xếp còn tối đa 05 phòng và 02 chi cục (*gồm: (1) Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm), (2) Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình*).

Trong đó: Sắp xếp Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình từ 03 phòng còn 02 phòng (*giảm 01 phòng*).

1.11. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Tổng hợp quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức thực hiện và đề xuất về cơ chế, chính sách quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương; quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), **nguồn viện trợ phi chính phủ**; đấu thầu; đăng ký kinh doanh; tổng hợp về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân.

b) Cơ cấu tổ chức: Tối đa 08 phòng.

1.12. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Chương trình, nội dung giáo dục và đào tạo; nhà giáo và công chức, viên chức quản lý giáo dục; cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ.

b) Cơ cấu tổ chức:

Sắp xếp từ 08 phòng còn tối đa 07 phòng (*không tái lập Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Tài chính kế hoạch*).

1.13. Sở Tài chính

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Tài chính; ngân sách nhà nước; thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước; tài sản nhà nước; các quỹ tài chính nhà nước; đầu tư tài chính; tài chính doanh nghiệp; kế toán; kiểm toán độc lập; giá và các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức: Tối đa 07 phòng.

1.14. Sở Tư pháp

a) Chức năng: Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; pháp chế; chứng thực; nuôi con nuôi; hộ tịch; quốc tịch; lý lịch tư pháp; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; luật sư, tư vấn pháp luật; công chứng; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; thừa phát lại; quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; đăng ký biện pháp bảo đảm; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; công tác tư pháp khác và dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức: Sắp xếp từ 06 phòng còn tối đa 05 phòng.

1.15. Thanh tra tỉnh

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; tiếp công dân, kiểm soát việc kê khai tài sản thu nhập.

b) Cơ cấu tổ chức: Sắp xếp còn tối đa 05 phòng.

1.16. Sở Giao thông Vận tải

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt đô thị; vận tải; an toàn giao thông; quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì hạ tầng giao thông đô thị gồm: Cầu đường bộ, cầu vượt, hè phố, đường phố, dải phân cách, hệ thống biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu điều khiển giao thông, hầm dành cho người đi bộ, hầm cơ giới đường bộ, cầu dành cho người đi bộ, bến xe, bãi đỗ xe.

b) Cơ cấu tổ chức: Tối đa 05 phòng.

1.17. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo (không bao gồm nội dung quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin); việc sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca và chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh.

b) Cơ cấu tổ chức: Tối đa 06 phòng.

1.18. Ban Dân tộc

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

b) Cơ cấu tổ chức: Sắp xếp từ 04 phòng còn tối đa 03 phòng.

1.19. Văn phòng UBND tỉnh

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về: Chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; kiểm soát thủ tục hành chính; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của địa phương; tổ chức, quản lý và công bố các thông tin chính thức về hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đầu mối Cổng thông tin điện tử, kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quản lý công báo và phục vụ các hoạt động chung của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền; quản lý công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.

b) Cơ cấu tổ chức: Tối đa 08 phòng và 01 Ban (*Ban Tiếp công dân*); ngoài ra, còn 01 đơn vị hành chính đặc thù là Trung tâm Phục vụ hành chính công.

2. Đối với UBND cấp huyện

Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện như sau:

a) Phòng Y tế (*tại 14 địa phương còn lại, trừ Núi Thành, Hiệp Đức, Nông Sơn, Nam Giang đã giải thể Phòng Y tế*): Chuyển chức năng, nhiệm vụ của Phòng Y tế về Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện thực hiện và giải thể Phòng Y tế.

b) Phòng Dân tộc: Giữ nguyên mô hình Phòng Dân tộc như hiện nay tại 06 huyện: Nam Trà My, Bắc Trà My, Phước Sơn, Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang.

c) Các phòng chuyên môn còn lại: giữ nguyên như hiện nay.

3. Đối với cơ quan hành chính khác thuộc tỉnh

a) Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh

Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18/9/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quy định:

- Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh để hình thành Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi thống nhất với Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội.

- Chính quyền địa phương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Văn phòng Quốc hội, các cơ quan khác có liên quan dự kiến phương án sắp xếp

tổ chức bộ máy, quyết định biên chế công chức và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, hoàn thành chậm nhất là ngày 30/6/2021.

Đề nghị Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Văn phòng Quốc hội để thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức thực hiện theo Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; Thông tư số 12/2020/TT-BKHĐT ngày 28/12/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

V. Phương án bố trí số lượng cấp phó

1. Số lượng Phó Giám đốc Sở và tương đương

Thực hiện kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức, bộ máy (tại Công văn số 237-CV/BTCTU, số 238-CV/BTCTU ngày 31/12/2020, số lượng Phó Giám đốc Sở, ngành (gọi tắt là cấp phó) như sau:

a) Sở, ngành có **04** cấp phó gồm: (1) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (2) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; (3) Sở Kế hoạch và Đầu tư; (4) Sở Tài chính; (5) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; (6) Sở Xây dựng; (7) Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Sở, ngành có **03** cấp phó gồm: (1) Thanh tra tỉnh; (2) Sở Nội vụ; (3) Sở Y tế; (4) Sở Giáo dục và Đào tạo; (5) Sở Giao thông vận tải; (6) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

c) Sở, ngành có **02** cấp phó gồm: (1) Ban Dân tộc; (2) Sở Tư pháp; (3) Sở Thông tin và Truyền thông; (4) Sở Khoa học và Công nghệ; (5) Sở Công Thương.

d) Sở có **01** cấp phó: Sở Ngoại vụ.

2. Số lượng Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ, Phó Chánh văn phòng, Phó Chánh Thanh tra

a) Số lượng Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ, Phó Chánh văn phòng

Triển khai theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, cụ thể:

- Phòng thuộc Sở có dưới 09 biên chế công chức được bố trí 01 Phó Trưởng phòng;

- Phòng thuộc Sở có từ 09 đến 14 biên chế công chức được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng;

- Phòng thuộc Sở có từ 15 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 03 Phó Trưởng phòng.

b) Số lượng Phó Chánh Thanh tra

- Từ 04 biên chế trở xuống thì chỉ có 01 Lãnh đạo (Chánh Thanh tra hoặc Phó Chánh Thanh tra);

- Từ 05 đến 07 biên chế thì bố trí 01 Phó Chánh Thanh tra;

- Từ 08 biên chế trở lên thì bố trí không quá 02 Phó Chánh Thanh tra.

3. Số lượng Phó Chi cục trưởng (và tương đương)

Triển khai theo quy định tại Nghị định số 107/NĐ-CP, cụ thể:

- Chi cục có 01 - 03 phòng thì có 01 Phó Chi cục trưởng;

- Chi cục không có Phòng hoặc trên 04 phòng thì có không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

4. Số lượng Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục (và tương đương)

Triển khai theo quy định Nghị định 107/2020/NĐ-CP, cụ thể:

Phòng có 5 - 6 biên chế thì bố trí 01 Phó phòng, trên 07 biên chế thì bố trí không quá 02 Phó phòng.

5. Số lượng Phó Trưởng phòng (và tương đương) cấp huyện

Nghị định 108/2020/NĐ-CP quy định: Bình quân mỗi phòng thuộc UBND cấp huyện có 02 Phó Trưởng phòng; Do vậy, tại huyện Tây Giang, Nam Giang, Nam Trà My, Bắc Trà My, Phước Sơn, Đông Giang (có 12 phòng, gồm Phòng Dân tộc) thì số lượng Phó Trưởng phòng tối đa là 24 người (12 x 2); tại các địa phương còn lại (có 11 phòng) thì số lượng Phó Trưởng phòng tối đa là 22 người (11 x 2).

Căn cứ số lượng Phó Trưởng phòng tối đa này, UBND cấp huyện quyết định bố trí cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của từng phòng chuyên môn cho phù hợp với thực tế từng địa phương (có thể bố trí ít hơn nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả công việc tại các phòng chuyên môn).

6. Số lượng cấp phó đối với cơ quan hành chính khác thuộc tỉnh

a) Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18/9/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai

- Đối với Phó Trưởng ban: Do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định.

- Đối với Phó phòng chuyên môn: Thực hiện theo Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

VI. DỰ KIẾN KẾT QUẢ SAU SẮP XẾP**1. Tổ chức hành chính**

a) Cấp tỉnh

- Tổng số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh là **19** cơ quan.

- Tổng số Chi cục và tương đương thuộc Sở, ngành là **13** Chi cục, giảm **05** Chi cục.

- Tổng số Phòng và tương đương thuộc Sở, ngành tối đa là **106** phòng, giảm **04** phòng.

- Tổng số Phòng và tương đương thuộc Chi cục tối đa là **42** phòng, giảm **19** phòng.

b) Cấp huyện

Tổng số Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện tối đa là **204** Phòng, giảm **14** Phòng.

2. Bố trí số lượng cấp phó

a) Cấp tỉnh

- Số lượng Phó Giám đốc và tương đương là **57** người, bằng với số lượng cấp phó theo quy định tại Nghị định số 107/NĐ-CP.

- Số lượng Phó Chi cục trưởng và tương đương thuộc Sở, ngành tối đa là **14** người, thấp hơn so với thực trạng là **07** người.

- Số lượng Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, ngành tối đa là **130** người, thấp hơn so với thực trạng là **23** người.

- Số lượng Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục tối đa là **63** người, tăng so với thực trạng là **13** người (*tăng theo định mức bố trí so với thực trạng, vì hiện nay nhiều Phòng thuộc Chi cục chưa có Phó phòng*).

b) Cấp huyện

Số lượng Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện tối đa là **408** người, tăng so với thực trạng là **91** người.

(Kèm theo Phụ lục - Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng cấp Trưởng, cấp Phó, kiện toàn sắp xếp các tổ chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thuộc tỉnh).

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình thực hiện

- Trước 31/3/2021: Các Sở, Ban, ngành và UBND cấp huyện xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của đơn vị, địa phương theo Đề án đề trình UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ thẩm định) phê duyệt và tổ chức thực hiện hoặc triển khai thực hiện đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương đã được phê duyệt chi tiết tại Đề án này; đồng thời, báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp.

- Trước ngày 30/6/2021: UBND tỉnh hoàn thành việc ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Sở, Ban, ngành; hoàn thành việc thẩm định, phê duyệt lại Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện. UBND cấp huyện hoàn thành việc ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của các cơ quan chuyên môn (sau khi Bộ, ngành Trung ương ban hành hướng dẫn).

2. Tổ chức thực hiện

a) Sở Nội vụ

- Đôn đốc, theo dõi, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai, thực hiện Đề án; đồng thời, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trong quá trình triển khai, thực hiện Đề án theo quy định.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng phương án kiện toàn; trình UBND tỉnh quyết định đối với những nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; đôn đốc, theo dõi, hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai đối với những nội dung thuộc thẩm quyền của thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, UBND cấp huyện.

- Hướng dẫn và theo dõi việc rà soát, xây dựng phương án, lộ trình sắp xếp số lượng cấp phó; giải quyết chế độ chính sách đối với số lượng lãnh đạo quản lý, công chức dôi dư tại các đơn vị, địa phương theo quy định.

- Hướng dẫn việc xây dựng và tham mưu UBND tỉnh thẩm định Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện.

b) Sở Tư pháp

Thẩm định dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Sở, Ban, ngành theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Sở Tài chính

Căn cứ Đề án này và Phương án sắp xếp tổ chức bộ máy được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, trên cơ sở dự toán đề nghị của các Sở, ngành, địa phương, Sở Tài chính tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê chuẩn và bố trí kinh phí để thực hiện giải quyết chế độ, chính sách cho công chức dôi dư sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh.

d) Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức thực hiện Đề án này và xây dựng Phương án sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong cơ quan, đơn vị; trình UBND tỉnh quyết định đối với những nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh và quyết định, triển khai thực hiện đối với những nội dung thẩm quyền của thủ trưởng cơ quan, địa phương.

- Tổ chức quán triệt nội dung sắp xếp, kiện toàn đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức sắp xếp nhân sự, giải quyết chế độ, chính sách đối với số lượng công chức dôi dư sau khi sắp xếp theo quy định.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án sắp xếp cấp phó của người đứng đầu đơn vị mình và cấp phó các đơn vị thuộc, trực thuộc theo quy định tại Mục V Phần III Đề án.

- Xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, đơn vị, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

Trong quá trình triển khai, thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kịp thời Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, quyết định.

Trên đây là Đề án kiện toàn các tổ chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thuộc tỉnh; đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trí Thanh